

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2025/DS-PT

Ngày: 11-06-2025

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu
chia tài sản chung và tranh
chấp di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thùy Dung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 04 năm 2025 về việc “*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và tranh chấp di sản thừa kế*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2024/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thúy A; sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 20-02-2023) (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thị Kim D - Văn phòng luật sư Hằng Nguyễn thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961; (vắng mặt)

2.3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; (vắng mặt)

2.4. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978; (có mặt)

2.5. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2.6. Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1982, địa chỉ: D Quốc lộ F, xã L, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

2.7. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968, địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2.8. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1971, địa chỉ: ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2.9. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (đã chết).

Hàng thừa kế thứ nhất của ông L:

Bà Trần Thị H2, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Cháu Nguyễn Trần Diễm M, sinh năm 2008; (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu M: Bà Trần Thị H2, sinh năm 1979. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2.10. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969 (đã chết).

Hàng thừa kế thứ nhất của ông T1:

Bà Võ Thị Ngọc K, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Ông Nguyễn Minh V2, sinh năm 1994; (có mặt)

Cháu Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05-5-2008. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu T2: Bà Võ Thị Ngọc K, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật sư Nguyễn Hồng N2 - Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Hùng X, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Cẩm N3, sinh năm 1983, địa chỉ: số B, Nguyễn Thị N4, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị H do người đại diện theo uỷ quyền bà Phạm Thị Thúy A trình bày và yêu cầu:

Bà H là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Văn L1 (sinh năm 1930, chết năm 2014), có đăng ký kết hôn ngày 21-10-2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 14-12-2001, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định số 1643/QĐ.UB.2001 cấp cho ông Nguyễn Văn L1 một phần đất diện tích 23.970m², thuộc thửa số 87, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã B, huyện Đ. Vợ chồng ông L1, bà H nhận đất và quản lý sử dụng ổn định, nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2014, ông L1 chết theo trích lục khai tử số 241/TLKT-BS ngày 23-6-2017, chết không để lại di chúc. Bà H vẫn tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này. Bà H và ông L1 không có con chung, cha mẹ ông L1 chết trước ông L1. Ông L1 có 10 người con riêng. Khi ông L1 chết không để lại nghĩa vụ về tài sản phải thực hiện.

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia đôi diện tích đất 25.961,4m² (theo đo đạc thực tế), thuộc các thửa 152, 117, 118, 119, 120 - tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, bà H nhận diện tích đất 12.980,7m², thuộc một phần thửa các thửa đất 152, 117, 118, 119, 120 - tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ. Bà H yêu cầu được nhận phần diện tích có căn nhà. Phần diện tích đất còn lại 12.980,7m², thuộc một phần thửa các thửa đất 152, 117, 118, 119 - tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ chia thành 12 kỷ phần, bà H nhận 02 kỷ phần (01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật, 01 kỷ phần công sức cải tạo đất), 10 kỷ phần cho 10 người con của ông L1.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, các bị đơn ông (bà) Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) trình bày:

Thông nhất lời trình bày của nguyên đơn về việc bà H là vợ hợp pháp của ông L1, thời gian ông L1 chết, ông L1 có 10 người con riêng, trong đó có ông T1 và ông L đã chết (chết sau ông L1). Ông L có vợ tên Trần Thị H2 và 01 người con là Nguyễn Trần Diễm M. Ông T1 có vợ tên Võ Thị Ngọc K và 02 người con là Nguyễn Minh V2 và Nguyễn Minh T2.

Các bị đơn đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Bà H được hưởng ½ trong khối tài sản chung là 12.980,7m². Diện tích đất còn lại 12.980,7m² chia thành 10 kỷ phần cho 10 người con của ông L1, ông T1 và ông L chết thì vợ và con của ông T1, ông L hưởng. Chia giá trị căn nhà và công trình phụ trên đất. Các bị đơn yêu cầu nhận đất và cùng đứng tên đồng sở hữu.

Các đương sự thống nhất kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tài sản tranh chấp. Nguyên đơn thống nhất kết quả định giá về giá trị đất, nhưng không thống nhất về giá trị căn nhà và công trình phụ nhưng không yêu cầu định giá lại. Bị đơn thống nhất toàn bộ kết quả định giá.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì, bà H là vợ hợp pháp của ông L1, diện tích đất 25.961,4m² có được trong thời kỳ hôn nhân, các bị đơn cũng đồng ý bà H được nhận diện tích đất 12.980,7m². Còn phần diện tích đất còn lại 12.980,7m² bà H yêu cầu chia thành 12 kỷ phần trong đó bà H nhận 2 kỷ phần, vì bà H là hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 nên nhận 1 kỷ phần, còn 1 kỷ phần bà H có công sức đóng góp, cải tạo đất, khi đất mới khai hoang còn phèn nhiều, nên người sử dụng đất phải cải tạo làm tăng giá trị đất. Sau khi ông L1 chết bà H thờ cúng ông L1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà H được nhận diện tích đất 12.980,7m², còn lại diện tích đất 12.980,7m² chia thành 10 kỷ phần cho 10 người con của ông L1 được hưởng. Không đồng ý chia diện tích đất 12.980,7m² thành 12 kỷ phần, vì: Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã M bà H đã đồng ý nhận ½ diện tích đất. Đồng thời, khi ông L1 chết các con của ông L1 là người làm đám tang và hiện đang thờ cúng ông L1. Diện tích đất đang yêu cầu chia di sản thừa kế do bà H canh tác nên bà H đã được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc quản lý, sử dụng đất. Vì vậy, các bị đơn không đồng ý việc bà H yêu cầu nhận 02 kỷ phần.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2024/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đã căn cứ vào: khoản 5, 14 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 34, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 95, khoản 4 Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H đối với Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) “yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế” diện tích đất 25.961,4m² (theo đo đạc thực tế), thuộc các thửa 152, 117, 118, 119, 120 - tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ.

1.1. Bà H được nhận diện tích đất 12.980,4m², thuộc thửa 120 và một phần thửa 119, 118, 117, 152 - cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đông giáp: Bờ kênh đất.

Tây giáp: Mương nước.

Nam giáp: Thửa 119 (pcl), 118 (pcl), 117 (pcl), 152 (pcl).

Bắc giáp: Thửa 72, 569, 568.

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo địa chính số 245-2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 03-10-2023 và phụ lục kèm theo ngày 25-11-2024 – khu A1, A2, A3, A4, A5).

1.2. Chia di sản thừa kế diện tích đất 12.980,7m² (do cắt phân khu còn lại diện tích đất 12.981m²), thuộc một phần thửa 119, 118, 117, 152 - cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An do bà H đang quản lý. Buộc bà H có nghĩa vụ giao lại để chia thừa kế như sau:

- Bà Võ Thị H được chia diện tích đất 1.180,1m², thuộc một phần thửa 119, 118, 117, 152 - cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đông giáp: Bờ kênh đất.

Tây giáp: Mương nước.

Nam giáp: Thửa 119 (pcl), 118 (pcl), 117 (pcl), 152 (pcl).

Bắc giáp: Thửa 119 (pcl), 118 (pcl), 117 (pcl), 152 (pcl).

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo địa chính số 245-2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 03-10-2023 và phụ lục kèm theo ngày 25-11-2024 – khu B1, B2, B3, B4).

- Các ông bà Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) được chia diện tích đất 11.800,9m², thuộc một phần thửa 119, 118, 117, 152 - cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đông giáp: Bờ kênh đất.

Tây giáp: Mương nước.

Nam giáp: Thửa 148, 149, 150, 151.

Bắc giáp: Thửa 119 (pcl), 118 (pcl), 117 (pcl), 152 (pcl).

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo địa chính số 245-2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 03-10-2023 và phụ lục kèm theo ngày 25-11-2024 – khu C1, C2, C3, C4).

Người được thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

1.3. Bà Võ Thị H được toàn quyền sử dụng định đoạt căn nhà và công trình phụ trên thửa đất 120, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.4. Sau khi khấu trừ giá trị chênh lệch, bà Võ Thị H có nghĩa vụ hoàn lại cho các ông bà Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) số tiền 60.409.546 đồng (sáu mươi triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng).

3. Về chi phí xác minh, thu thập chứng cứ: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bà H có nghĩa vụ chịu - đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

4. Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Bà Võ Thị H có nghĩa vụ chịu 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng).

Các ông (bà) Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) có nghĩa vụ chịu 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Bà H thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Bà H1, ông N thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí.

Các ông (bà) Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) có nghĩa vụ chịu tương ứng 1 kỳ phần được nhận là 6.497.381 đồng (sáu triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi một đồng) án phí chia thừa kế.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Võ Thị H kháng cáo không đồng ý theo nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Kim D, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Minh V2, Nguyễn Hồng N2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án. Cụ thể: các đương sự thống nhất về cách chia kỹ phần như bản án sơ thẩm, tuy nhiên, bà Võ Thị H không phải hoàn lại cho các ông bà Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) số tiền 60.409.546 đồng (sáu mươi triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng), đồng thời bà H thống nhất với cách chia di sản thừa kế như cấp sơ thẩm đã chia.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị H trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Trong vụ án chỉ có bà Võ Thị H kháng cáo yêu cầu chia cho bà 01 kỹ phần thừa kế do có công sức gìn giữ di sản thừa kế và chăm sóc, nuôi dưỡng ông L1 khi bệnh tật và định giá lại căn nhà trên đất do nhà đã hư hỏng nên chỉ xem xét lại bản án trong phạm vi kháng cáo của bà H.

Qua xem xét hồ sơ vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà H, nhận thấy:

Về yêu cầu chia 01 kỹ phần về công sức gìn giữ di sản thừa kế: tại phiên tòa phúc thẩm phía bà H rút yêu cầu kháng cáo về tính công sức, việc rút kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ép buộc nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này của bà H.

Về căn nhà trên đất: theo kết quả định giá tài sản tranh chấp ngày 14-7-2023 thì giá trị căn nhà và công trình phụ 132.901.000 đồng, Tòa sơ thẩm đã chia cho bà H phần đất có căn nhà trên đất và công trình phụ 132.901.000 đồng, bà H được nhận tổng cộng 72.491.454 đồng và có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế còn lại là 60.409.546 đồng. Tuy nhiên, theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 03/6/2025 của TAND tỉnh Long An thì trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà không có mái tole, do nhà đã bị hư hỏng. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thống nhất không yêu cầu chia thừa kế, không tranh chấp gì về căn nhà và công trình phụ này nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không chia thừa kế tài sản là căn nhà và công trình phụ trên đất.

Đề nghị HĐXX: căn cứ khoản 3 Điều 284, Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H đối với yêu cầu chia 01 kỹ phần công sức gìn giữ di sản thừa kế; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm, bà H không phải hoàn lại số tiền 60.409.546 đồng cho các đồng thừa kế còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà Võ Thị H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

[2] Nguyên đơn bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu chia đôi diện tích đất 25.961,4m² (theo đo đạc thực tế), thuộc các thửa 152, 117, 118, 119, 120 - tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, bà H nhận diện tích đất 12.980,7m², thuộc một phần thửa các thửa đất 152, 117, 118, 119, 120 - tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ. Bà H yêu cầu được nhận phần diện tích có căn nhà. Phần diện tích đất còn lại 12.980,7m², thuộc một phần thửa các thửa đất 152, 117, 118, 119 - tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ chia thành 12 kỷ phần, bà H nhận 02 kỷ phần (01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật, 01 kỷ phần công sức cải tạo đất), 10 kỷ phần cho 10 người con của ông L1.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án. Cụ thể: bà Võ Thị H không phải hoàn lại cho các ông bà Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) số tiền 60.409.546 đồng (sáu mươi triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng), đồng thời bà H thống nhất với cách chia di sản thừa kế như cấp sơ thẩm đã chia, rút lại một phần yêu cầu kháng cáo.

Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm, bà H không phải hoàn lại số tiền 60.409.546 đồng cho các đồng thừa kế còn lại.

[4] Về chi phí tố tụng giai đoạn xét xử phúc thẩm là: 2.200.000 đồng bà H tự nguyện chịu nên không xét đến nữa.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 284, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H đối với yêu cầu chia 01 kỷ phần công sức giữ gìn di sản thừa kế.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H.

Sửa một phần bản án sơ thẩm 50/2024/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ

Căn cứ vào: khoản 5, 14 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 34, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 95, khoản 4 Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H đối với Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) “yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế” diện tích đất 25.961,4m² (theo đo đạc thực tế), thuộc các thửa 152, 117, 118, 119, 120 - tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ.

1.1. Bà Võ Thị H được nhận diện tích đất 12.980,4m², thuộc thửa 120 và một phần thửa 119, 118, 117, 152, cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đông giáp: Bờ kênh đất.

Tây giáp: Mương nước.

Nam giáp: Thửa 119 (pcl), 118 (pcl), 117 (pcl), 152 (pcl).

Bắc giáp: Thửa 72, 569, 568.

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo địa chính số 245-2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 03-10-2023 và phụ lục kèm theo ngày 25-11-2024 – khu A1, A2, A3, A4, A5).

1.2. Chia di sản thừa kế diện tích đất 12.980,7m² (do cắt phân khu còn lại diện tích đất 12.981m²), thuộc một phần thửa 119, 118, 117, 152 - cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An do bà H đang quản lý. Buộc bà H có nghĩa vụ giao lại để chia thừa kế như sau:

- Bà Võ Thị H được chia diện tích đất 1.180,1m², thuộc một phần thửa 119, 118, 117, 152, cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đông giáp: Bờ kênh đất.

Tây giáp: Mương nước.

Nam giáp: Thửa 119 (pcl), 118 (pcl), 117 (pcl), 152 (pcl).

Bắc giáp: Thửa 119 (pcl), 118 (pcl), 117 (pcl), 152 (pcl).

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo địa chính số 245-2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 03-10-2023 và phụ lục kèm theo ngày 25-11-2024 – khu B1, B2, B3, B4).

- Các ông bà Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) được chia diện tích đất 11.800,9m², thuộc một phần thửa 119, 118, 117, 152 - cùng thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đông giáp: Bờ kênh đất.

Tây giáp: Mương nước.

Nam giáp: Thửa 148, 149, 150, 151.

Bắc giáp: Thửa 119 (pcl), 118 (pcl), 117 (pcl), 152 (pcl).

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo Mảnh trích đo địa chính số 245-2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 03-10-2023 và phụ lục kèm theo ngày 25-11-2024 – khu C1, C2, C3, C4).

Người được thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

1.3. Bà Võ Thị H được toàn quyền sử dụng định đoạt căn nhà và công trình phụ trên thửa đất 120, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Về chi phí xác minh, thu thập chứng cứ: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bà H có nghĩa vụ chịu, bà H đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

3. Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Võ Thị H có nghĩa vụ chịu 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng) giai đoạn xét xử sơ thẩm và 2.200.000 đồng giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Các ông (bà) Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K,

Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) có nghĩa vụ chịu 17.000.000 đồng (mỗi kỷ phần 1.700.000 đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bà Võ Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông (bà) Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Văn L (đã chết - hàng thừa kế thứ nhất của ông L: Trần Thị H2, Nguyễn Trần Diễm M), Nguyễn Văn T1 (hàng thừa kế thứ nhất của ông T1: Võ Thị Ngọc K, Nguyễn Minh V2, Nguyễn Minh T2) mỗi người có nghĩa vụ chịu án phí tương ứng 1 kỷ phần được nhận là 6.195.473 đồng (sáu triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An
- TAND huyện Đức Huệ;
- CCTHADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Nhữ